TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 7 - 2022
V/v Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu.
2. Ông Ngô Minh Thi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1971. *(có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực Th, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Võ Văn Đ**, sinh năm 1962. *(có đơn xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện R, tỉnh Kiên Giang.
Chỗ ở hiện nay: Khu vực Th, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:***

Năm 2000, bà và ông Võ Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau, không

có tổ chức lễ cưới cũng không có đăng ký kết hôn. Bà và ông Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khi được gia đình chia cho đất, ông Đ không chia cho bà mà chỉ chia cho con riêng của ông Đ, mâu thuẫn xảy ra trong khoảng thời gian dài không giải quyết được, ông Đ có tính gia trưởng và thường có nhiều lời lẽ xúc phạm danh dự của bà khiến cho tình cảm bị rạn nứt, không thể hàn gắn được. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Quốc A (nam, sinh ngày 02/10/2003) và Trần Việt A1 (nam, sinh ngày 19/9/2008). Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Việt A1 đến trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Võ Quốc A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**** Tại Bản tự khai ngày 28/6/2022, bị đơn ông Võ Văn Đ trình bày:***

Ông thống nhất ý kiến với trình bày của bà Trần Thị L về quá trình chung sống của ông và bà L. Ông và bà L tự nguyện chung sống vào năm 2000, không có tổ chức lễ cưới, cũng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông và bà L chung sống rất hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm nên thường hay cãi nhau, ông cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Nay ông đồng ý với yêu cầu của bà L về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Quốc A (nam, sinh ngày 02/10/2003) và Trần Việt A1 (nam, sinh ngày 19/9/2008). Ông đồng ý để bà L được nuôi dưỡng cháu Việt A1 đến trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Võ Quốc A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị L và ông Võ Văn Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, bà L nộp đơn khởi kiện nên quan hệ pháp luật được xác định là "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Đ đều thừa nhận sau một thời gian tìm hiểu, ông bà đã tiến tới hôn nhân vào năm 2000, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Bà L cho rằng, mâu thuẫn chủ yếu là do ông Đ không chia đất cho bà mà chỉ chia cho con riêng của ông Đ, ngoài ra ông Đ có tính gia trưởng và thường có nhiều lời lẽ xúc phạm danh dự của bà khiến cho tình cảm bị rạn nứt. về phía ông Đ thì cho rằng mâu thuẫn giữa ông và bà L chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm nên thường hay cãi nhau. Điều này cho thấy tình cảm giữa bà L và ông Đ đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, nay bà L yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đ, ông Đ đồng ý. Do bà L và ông Đ không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Đ.

[4] Về con chung: Bà L và ông Đ cùng xác định, trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Võ Quốc A (nam, sinh ngày 02/10/2003) và Trần Việt A1 (nam, sinh ngày 19/9/2008). Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Việt A1

đến trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ đồng ý. Đồng thời, cháu Việt A1 có nguyện vọng được sống chung với bà L. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Đ được quyền thăm nom con chung; không ai được ngăn cản ông Đ thực hiện quyền này.

Riêng đối với Võ Quốc A đã trưởng thành, bà L và ông Đ không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Đ cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 166; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 14, 15, 51, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Võ Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Trần Việt A1 (nam, sinh ngày 19/9/2008) cho bà L nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ được quyền thăm nom con chung; không ai được ngăn cản ông Đ thực hiện quyền này.

Đối với Võ Quốc A đã trưởng thành và các đương sự không có yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị L và ông Võ Văn Đ cùng xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chuyển số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003355 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế